



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội

Ngày 30/09/2025	5,600 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-6.7%	-8.2%	-8.2%

DT thuần Q3/25
421
tỷ VNĐ
QoQ: ▼685 -61.9%
YoY: ▼113 -21.1%

LN thuần Q3/25
-4.79
tỷ VNĐ
QoQ: ▼14.3 -150%
YoY: ▼6.02 -489%

LN sau thuế Q3/25
-3.18
tỷ VNĐ
QoQ: ▼10.3 -145%
YoY: ▼3.82 -598%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
12.4%
YoY: +/-▲ 6.7%

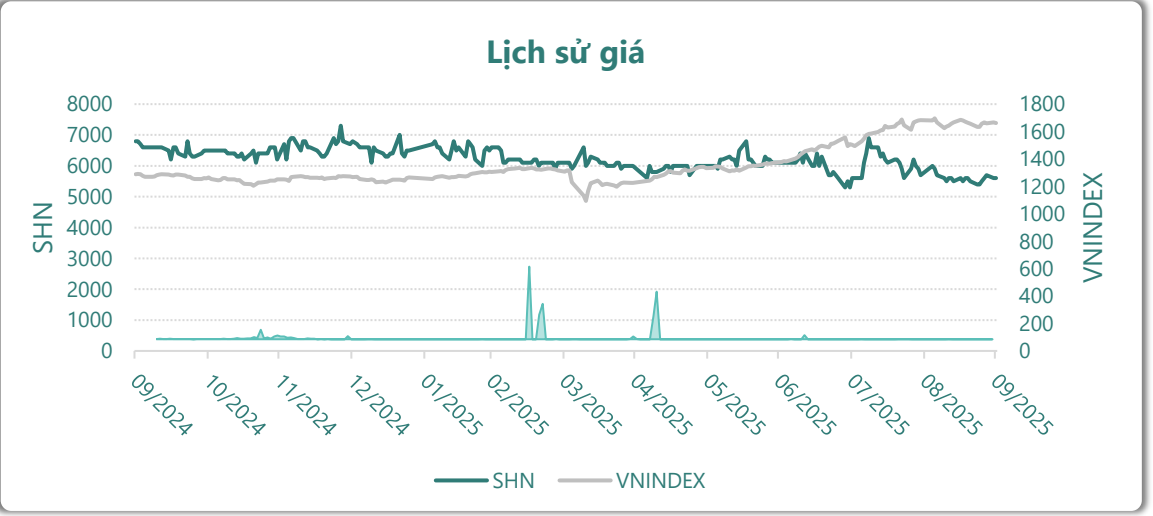
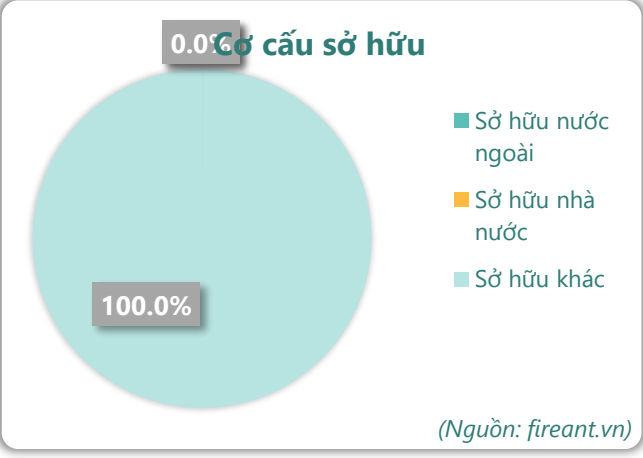
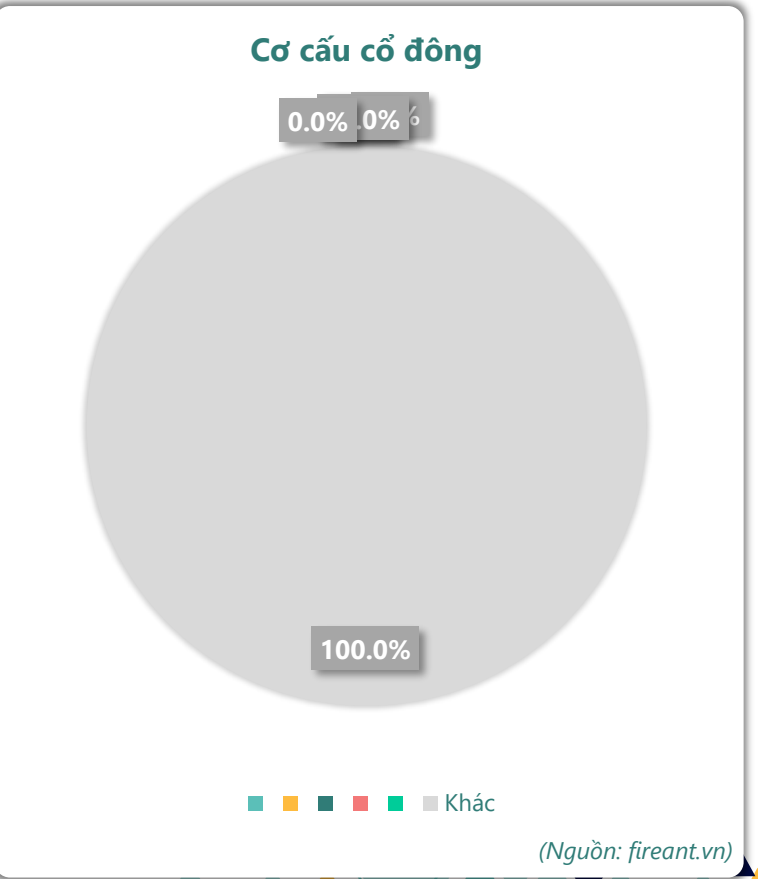
ROE (TTM) Q3/25
0.6%
YoY: +/-▼ 0.2%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	5,300 - 7,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	726
Số lượng CPLH (CP)	129,607,147
KLGD BQ 20 phiên (CP)	39,005
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.06
EPS	72
P/E	77.4

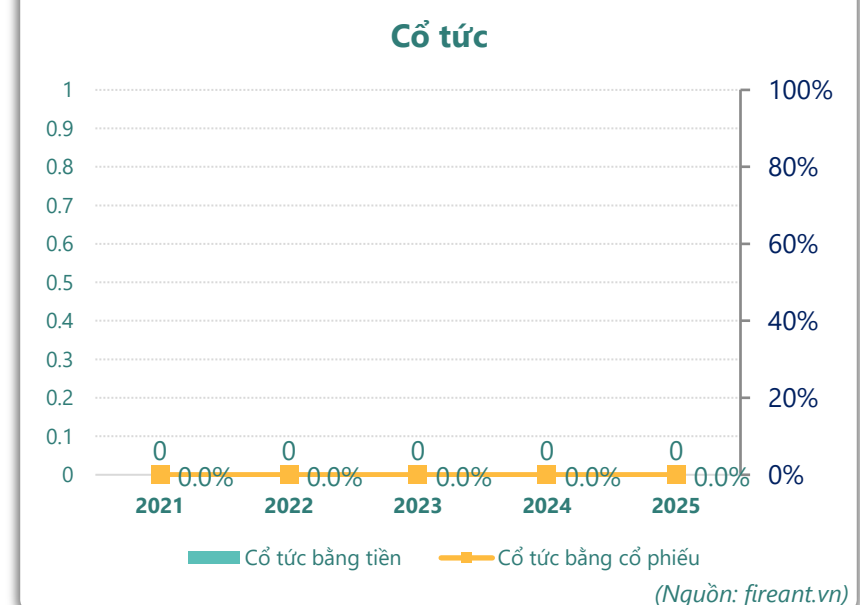
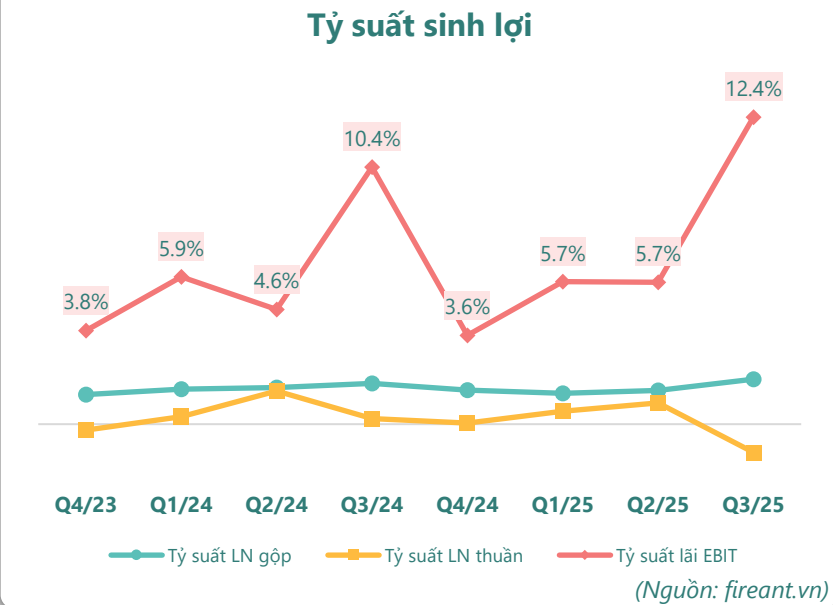
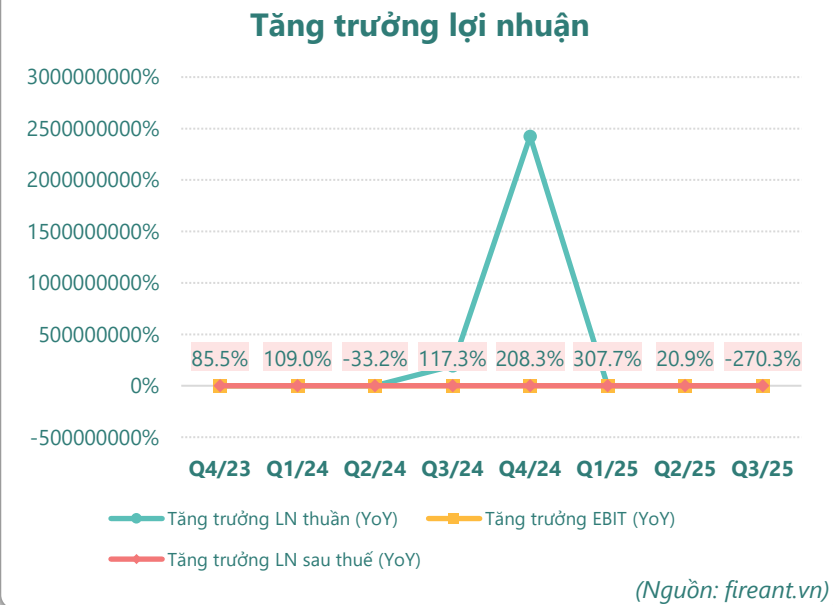
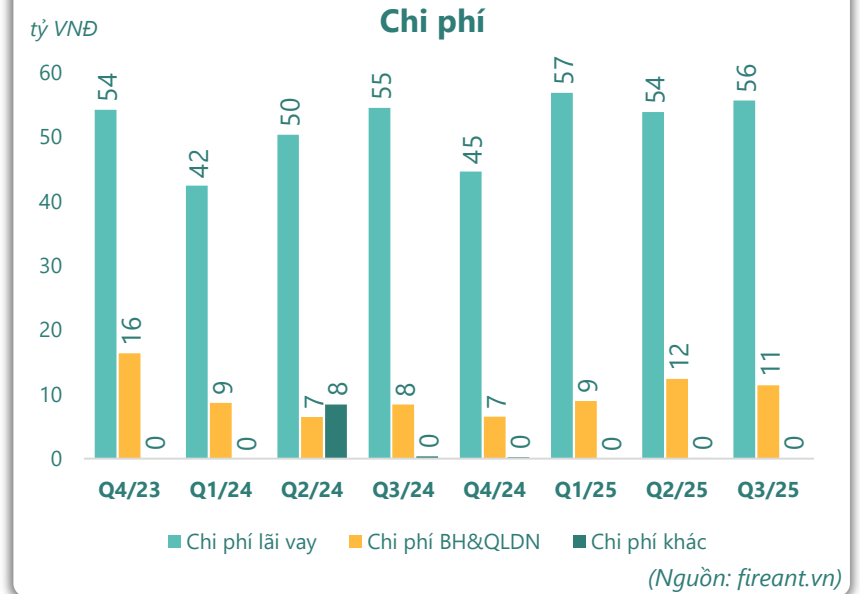
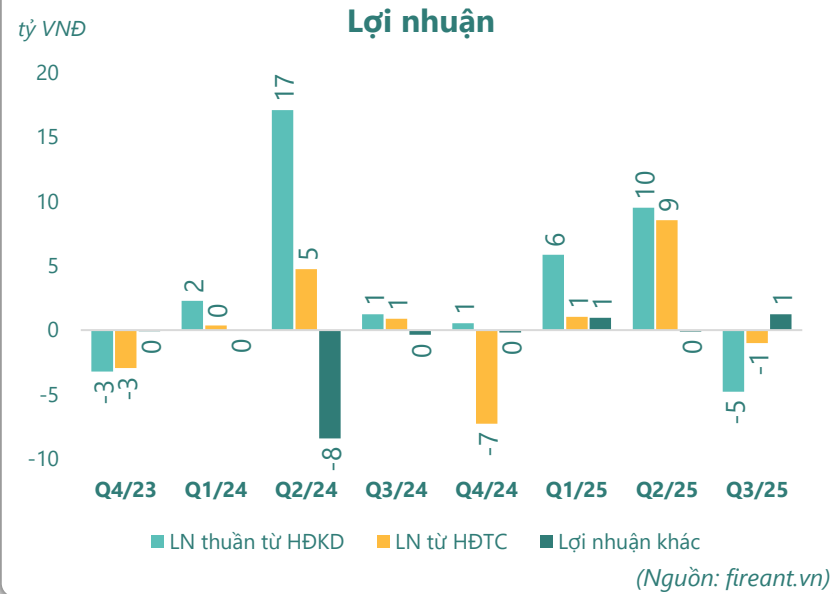
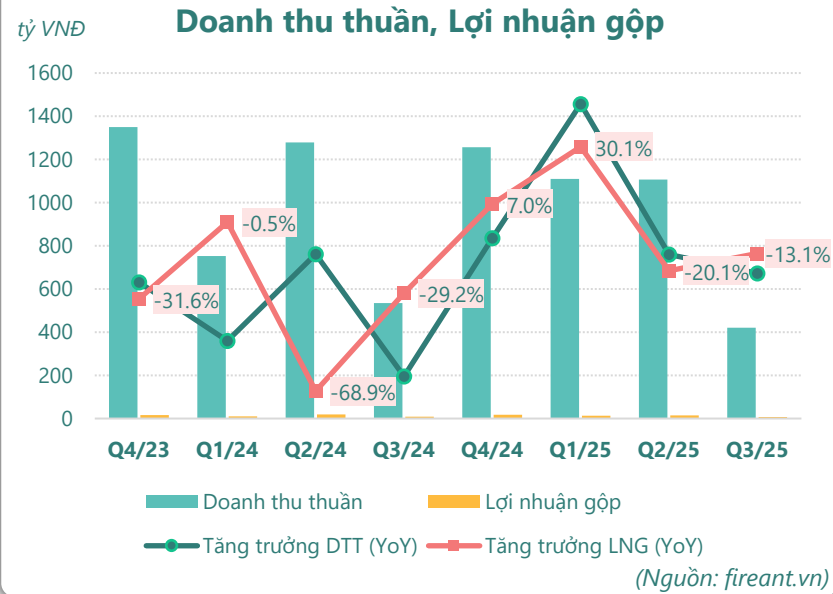
DT thuần 9T 2025
2,637
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 72.0 2.8%

LN thuần 9T 2025
10.6
tỷ VNĐ
YoY: ▼10.0 -48.6%

LN sau thuế 9T 2025
8.28
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.81 -8.9%



KẾT QUẢ KINH DOANH

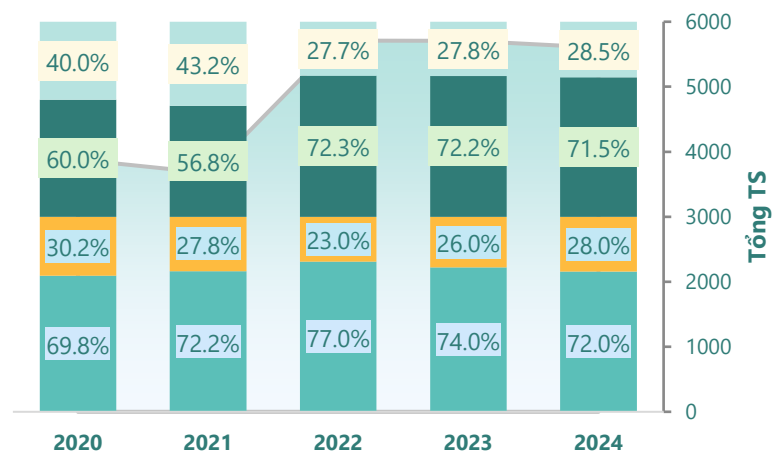




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

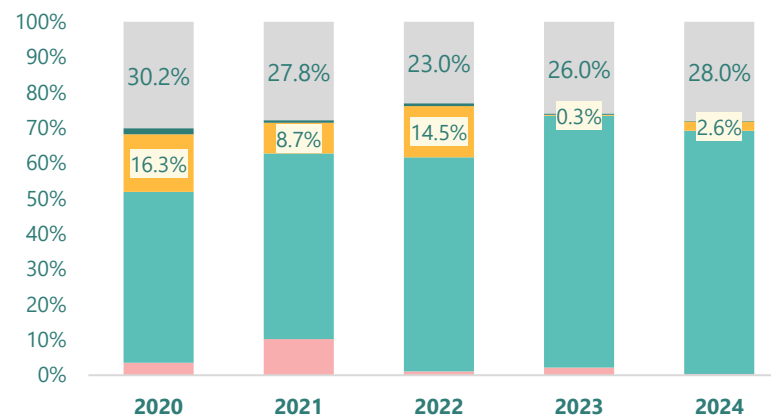
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

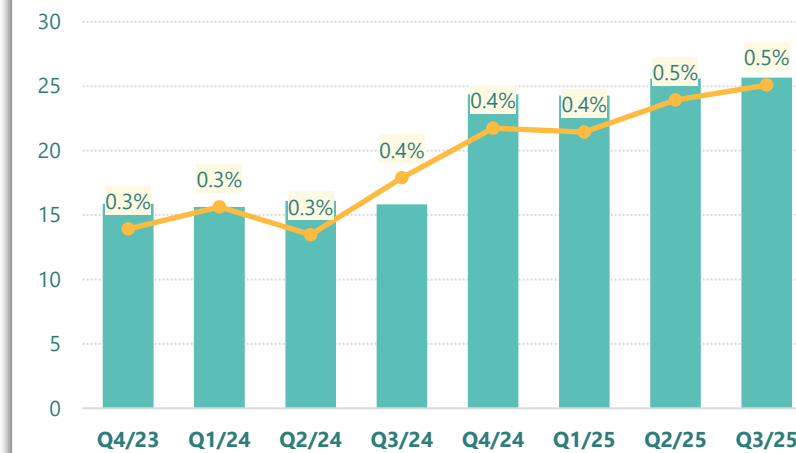


■ Tiền và TĐ tiền ■ Hàng tồn kho ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

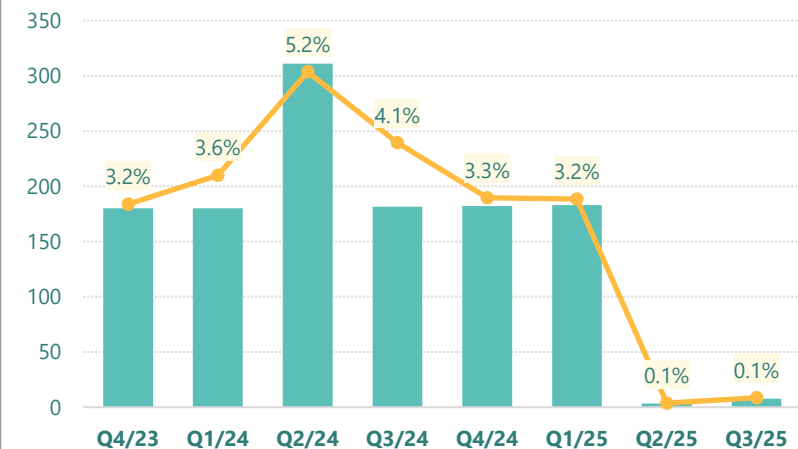


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

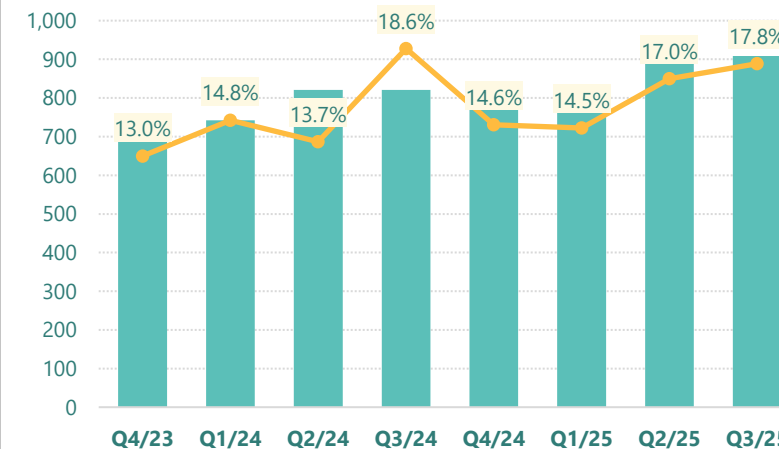


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

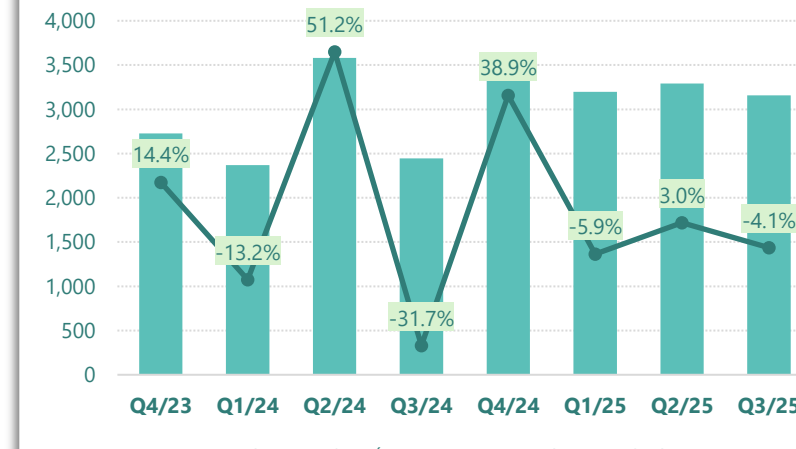


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

— Tăng trưởng nợ vay

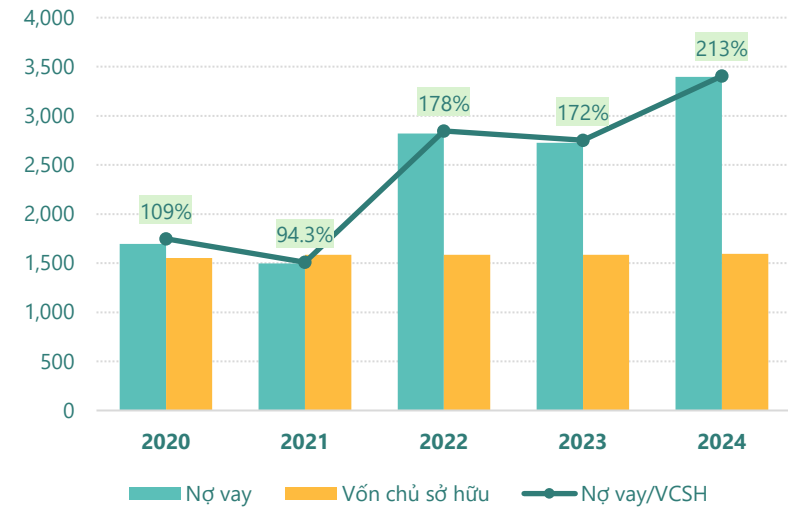
(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

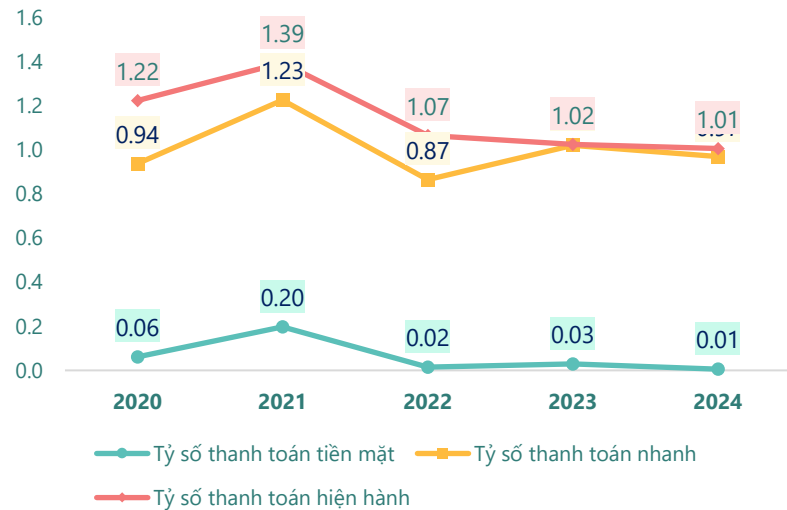
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



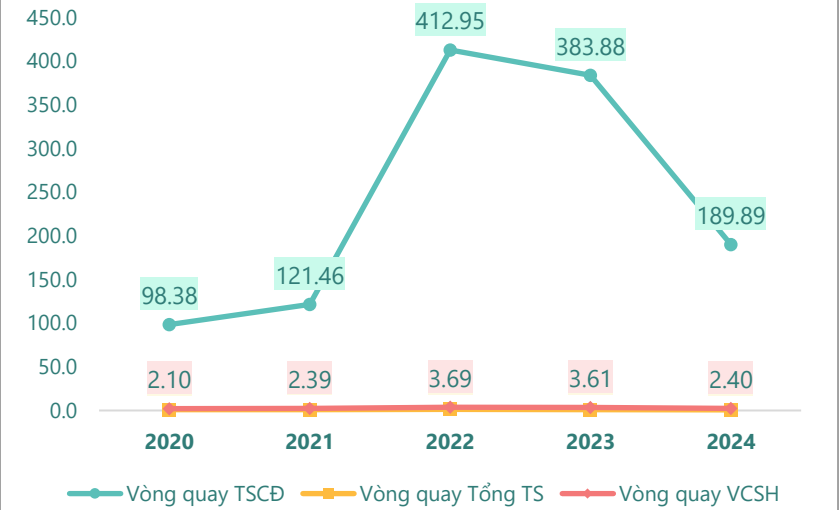
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



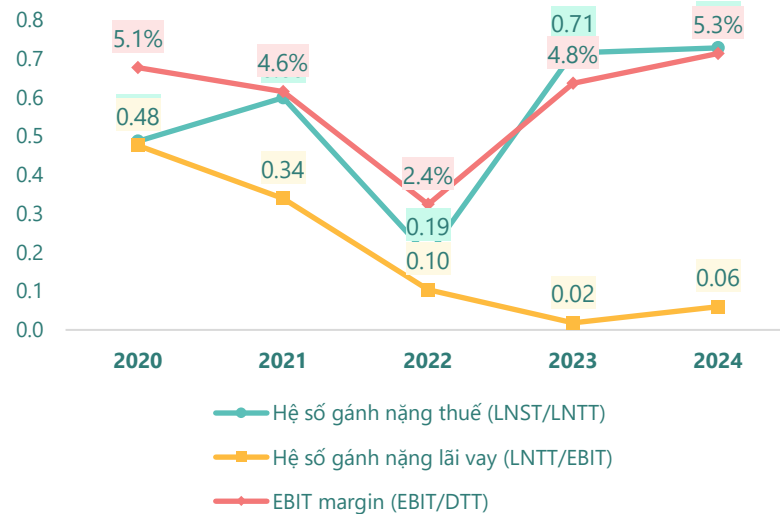
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



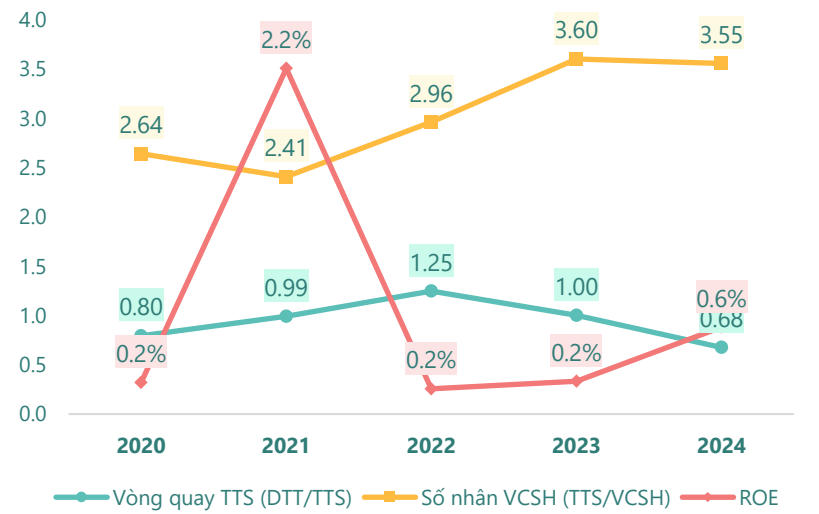
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



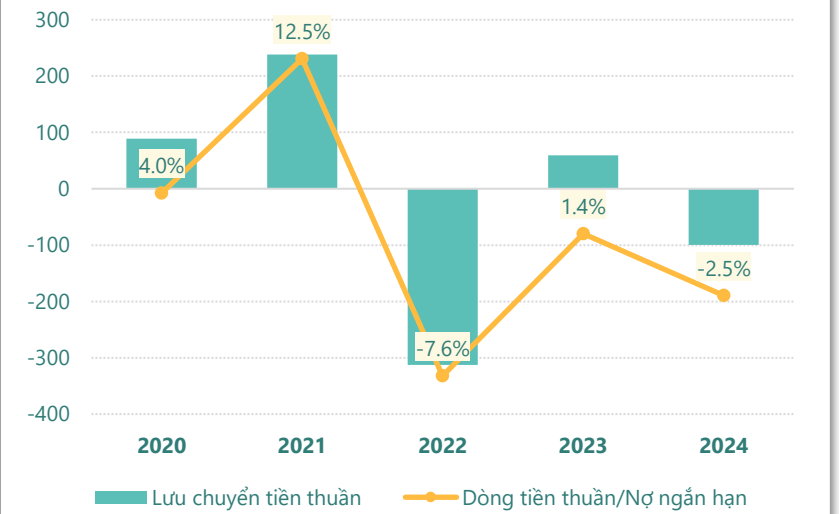
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)



KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	421	534	-21.1%	2,637	2,565	2.8%
Giá vốn hàng bán	413	526	-21.4%	2,600	2,527	2.9%
Lợi nhuận gộp	7.64	8.79	-13.1%	36.5	38.3	-4.6%
Doanh thu HĐTC	65.8	68.3	-3.6%	205	204	0.2%
Chi phí TC	66.8	67.5	-1.0%	196	198	-1.1%
Chi phí lãi vay	55.7	54.6	2.1%	167	147	13.0%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		-1.70	0.00	-184342%
Chi phí bán hàng	4.39	2.53	73.4%	12.2	7.43	63.9%
Chi phí QLDN	7.05	5.91	19.3%	20.6	16.2	27.5%
LN thuần từ HĐKD	-4.79	1.23	-489%	10.6	20.6	-48.6%
Lợi nhuận khác	1.23	-0.37	432%	2.08	-8.81	124%
LN trước thuế	-3.56	0.86	-514%	12.7	11.8	7.4%
Lợi nhuận sau thuế	-3.18	0.64	-598%	8.28	9.09	-8.9%
LNST của CĐ cty mẹ	-2.98	0.51	-684%	9.73	9.05	7.4%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1,077	1,113	-627	-358	-12.8	157
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-130	223	-519	552	-77.4	-4.82
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1,213	-1,137	951	-200	94.4	-135
Tiền đầu kỳ	12.0	18.0	217	22.0	16.8	21.0
Lưu chuyển tiền thuần	5.97	199	-195	-5.21	4.16	17.2
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0.01	0	0.04	-0.04
Tiền cuối kỳ	18.0	217	22.0	16.8	21.0	38.2

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	5,114	5,601	-8.7%
Tài sản ngắn hạn	3,522	4,032	-12.6%
Tiền và tương đương tiền	38.2	22.0	73.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.40	0	
Phải thu ngắn hạn	3,153	3,851	-18.1%
Hàng tồn kho	327	148	122%
Tài sản ngắn hạn khác	3.78	10.9	-65.4%
Tài sản dài hạn	1,591	1,569	1.4%
Phải thu dài hạn	643	542	18.7%
Tài sản cố định	25.7	24.4	5.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	7.57	182	-95.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	909	818	11.1%
Tài sản dài hạn khác	4.61	0.72	539%
Lợi thế thương mại	1.83	2.52	-27.3%
Nợ phải trả	3,500	4,006	-12.6%
Nợ ngắn hạn	3,500	4,006	-12.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3,156	3,396	-7.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	223	509	-56.1%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,614	1,595	1.2%
Vốn chủ sở hữu	1,614	1,595	1.2%
Vốn điều lệ	1,296	1,296	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

